

Bản án số: 68/2019/HS-ST
Ngày 14 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Quang Định

2. Bà Phạm Thị Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thị Thanh Hải- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí - tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1999 tại N- Nghệ An. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm 17, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: không (hiện đang đi học); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/3/2019 đến ngày 20/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Phương N, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 458, đường M, phường Vĩnh T, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Khu sinh viên A – Tổ 3, khu C, phường N, thành phố U; vắng mặt (có đơn xin vắng).

- **Người làm chứng:** Anh Đàm Cao H, chị Trần Khánh L, chị Hà Thị Phương T, Nguyễn Thị Hiền C; vắng mặt.

- **Người chứng kiến:** Ông Đinh Đức C, ông Nguyễn Quang H, anh Vũ Văn N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2018, thông qua mạng xã hội Nguyễn Thành Đ có quen biết và phát sinh tình cảm nam nữ với chị Trần Khánh L là sinh viên của trường Đại học XX cơ sở Quảng Ninh. Ngày 11/3/2019 Nguyễn Thành Đ đến phòng trọ của chị L (phòng 202) tại chung cư A, thuộc khu C, phường N, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh chơi và ở tại đây.

Khoảng 14 giờ ngày 12/3/2019, chị L và những người ở trọ cùng chung cư đi học, xung quanh vắng người, Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ đi ra hành lang quan sát thì phát hiện phòng 206 của chị Hà Thị Phương T không khóa cửa. Đ đi vào phòng của chị Thảo thấy trên giường gần cửa sổ có 01 chiếc ví nữ. Đ mở ví lấy toàn bộ số tiền trong 2 ngăn ngoài của ví, rồi để chiếc ví trên cửa sổ phòng trọ, sau đó Đ khép cửa lại rồi về phòng chị L, Đ bỏ tiền ra đếm được 1.980.000 đồng và cất vào ví của mình. Tối ngày 12/3/2019, Đ dùng 200.000 đồng trong số tiền trộm cắp được của chị L, để mua đồ ăn uống cùng các bạn khu trọ, số tiền còn lại bị cáo vẫn giữ trong ví.

Khoảng 11 giờ ngày 13/3/2019, thấy mọi người ở khu trọ đi học chưa về. Đ đến phòng 215 của anh Nguyễn Phương N thấy cửa khép, bên trong không có người, Đ đi vào nhìn quanh phòng thấy trên giường tầng 2 có bộ tai nghe Bluetooth không dây nhãn hiệu Airpot Apple của anh N. Đ lấy cho vào túi quần rồi đi về phòng trọ của chị L.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, anh N về phòng phát hiện mất tài sản nên đã đến Công an phường N trình báo, cùng ngày chị T cũng có đơn trình báo. Khi bị cáo biết anh N, chị T trình báo công an, sợ bị phát hiện nên khoảng 00 giờ ngày 14/3/2019, Đ đến thuê phòng tại nhà nghỉ Đ thuộc khu N, phường N, thành phố U và đem theo chiếc tai nghe giấu trên cục nóng điều hòa bên ngoài phòng 202 của nhà nghỉ.

Ngày 14/3/2019, Công an thành phố Uông Bí đã triệu tập Nguyễn Thành Đ đến trụ sở làm việc. Tại cơ quan công an, Đ khai nhận hành vi trộm cắp tài sản và nơi cất giấu số tài sản trộm cắp trên. Ngoài ra, Đ còn khai khoảng tháng 11 năm 2018, khi đến phòng chị L chơi, Đ đã trộm cắp 600.000 đồng của chị C là người cùng ở trọ với chị L và đã ăn tiêu hết số tiền này. Chị Nguyễn Thị Hiền C có lời khai phù hợp với lời khai của Nguyễn Thành Đ về việc chị bị mất 600.000 đồng trong thời gian Đ ở chơi tại phòng trọ của chị với chị L.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành Đ đã tự nguyện trả lại cho chị Hà Thị Phương T 1.980.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hiền C 600.000 đồng. Chị T, chị C không yêu cầu bồi thường thêm. Ngày 25/4/2019, Công an thành phố Uông Bí đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 61 xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ về hành vi trộm cắp tài sản của chị Hà Thị Phương T và chị Nguyễn Thị Hiền C.

Đối với hành vi bị cáo trộm cắp 01 tai nghe Bluetooth không dây, nhãn hiệu Airpot Apple của anh Nguyễn Phương N. Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí đã thu hồi được và đề nghị Hội đồng định giá tài trong tố tụng hình sự tiến hành định giá.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08 ngày 19/3/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Uông Bí, kết luận: 01 tai nghe Bluetooth không dây, nhãn hiệu Airpot Apple màu trắng, vỏ ngoài màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị là 3.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT – VKSUB ngày 15 - 4 - 2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và theo bị cáo khai khi vào phòng của anh N trong phòng có nhiều đồ đạc như ipad, máy tính xách tay, ví tiền nhưng bị cáo chỉ lấy chiếc tai nghe Bluetooth không dây với mục đích để sử dụng. Bị cáo thừa nhận bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố đúng người, đúng tội.

Bị hại anh Nguyễn Phương N có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra; theo anh Nam trong phòng còn có các tài sản có giá trị khác nhưng anh chỉ mất chiếc tai nghe và đã được nhận lại; anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Trong quá trình điều tra, xét xử anh N đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì anh cũng biết bị cáo khi bị cáo đến khu trọ chơi và bị cáo không phải là người xấu, hành vi của bị cáo xuất phát từ việc thiếu suy nghĩ.

Những người làm chứng, người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa có lời khai thể hiện trong hồ sơ từ bút lục 67 -72 và bút lục 91 -99.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ với mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thành Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Bị cáo đang đi học, chưa đi làm, sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại cơ quan điều tra nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Viện kiểm sát; tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

2.1. Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người chứng kiến và biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ của vụ án, biên bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 13/3/2019, tại phòng 215 của Chung cư A, thuộc khu C, phường N, thành phố U. Nguyễn Thành Đ đã trộm cắp 01 bộ tai nghe Bluetooth không dây nhãn hiệu Airpot Apple, trị giá 3.000.000đồng của anh Nguyễn Phương N.

Bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi do lỗi cố ý thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

2.2. Về hình phạt:

- *Về hình phạt chính:* Bị cáo được gia đình tạo điều kiện học tập nhưng bản thân thiếu ý thức tu dưỡng đạo đức và chấp hành pháp luật. Ngoài hành vi trộm cắp dây tai nghe của anh Nam, bị cáo còn trộm cắp tiền của hai bạn nữ sinh viên trong cùng khu trọ. Mặc dù hành vi này chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng Cơ quan công an thành phố Uông Bí cũng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo. Do đó, thấy rằng cần phải có hình phạt nhất định để giáo dục, răn đe riêng đối với bị cáo cũng như để ngăn ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng: bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; khi vào trong phòng của bị hại có nhiều tài sản có giá trị khác nhưng bị cáo chỉ lấy chiếc tai nghe với mục đích sử dụng, hành vi trộm cắp của bị cáo mang tính bột phát. Đồng thời, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác, nên không cần thiết phải

cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho bị cáo cải tạo không giam giữ có sự giám sát, quản lý của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo; tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tiếp tục học tập, sinh hoạt trong môi trường xã hội để trở thành người có ích.

- *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội “Trộm cắp tài sản” còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^d (năm triệu đồng) đến 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa gây thiệt hại tài sản (01 bộ tai nghe Bluetooth không dây nhãn hiệu Airpot Apple bị cáo trộm đã được trả lại cho bị hại, tài sản còn nguyên vẹn, không bị hư hại); bị hại anh Nguyễn Phương N có đơn thể hiện ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự thì trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là sinh viên, đang đi học, không có nghề nghiệp, thu nhập và sống phụ thuộc vào gia đình nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự thỏa thuận, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[6] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong quá trình điều tra nên không đề cập giải quyết

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu 200.000^d tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 - Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 125 – Bộ luật Tố Tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành Đ **09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ**, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ 07 ngày (từ ngày 14/3/2019 đến ngày 20/3/2019) bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành **08 (tám) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành Đ cho Ủy ban nhân dân xã Nghi T, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hủy biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11/2019/HSST-LCCT ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thành Đ phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDTP. Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- UBND xã N;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKS ND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Thúy

